

Bản án số: 64/2019/ HS-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi.

Ông Nguyễn Văn Gia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lý Đình Kiêm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/HSST, ngày 02 tháng 4 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/HSST-QĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019; theo quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/HSST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Tổng Văn Q**, sinh năm: 1997.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tổng Văn Đ, sinh năm 1975 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 01; Vợ: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2018 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Họ và tên **Nguyễn Văn D (tên gọi khác là Đ)**, sinh năm: 1997.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nghề

nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 01; Vợ: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 18/10/2012 Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 2, Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/11/2018 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ và lưu giam Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 16/4/2001.

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Có mặt)

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1996.

Trú tại: Xóm T, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 25 phút, ngày 07/11/2018 tổ công tác Công an huyện P đang làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực xóm C, xã K, huyện P thì phát hiện hai nam thanh niên điều khiển xe mô tô BKS 98H1 – 149.65, trên xe chở 02 bao tải có biểu hiện nghi vấn bên trong là pháo nổ. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra thì đối tượng điều khiển xe mô tô khai nhận tên là Tống Văn Q, sinh năm 1997 còn đối tượng ngồi sau khai tên là Nguyễn Văn D, sinh năm 1997; Điều trú quán: thôn 2, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tiến hành kiểm tra hai bao tải thì thấy trong mỗi bao tải là một thùng cát tông, bên trong mỗi thùng cát tông này có đựng 18 hộp hình khối chữ nhật, bên ngoài bọc bằng giấy có chữ Trung Quốc (Q và D khai đó là pháo nổ). Tại thời điểm này có Phạm Văn K, sinh năm 1996; Trú quán: xóm Th, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cũng có mặt ở đó. K khai được một người tên B nhờ đến khu vực đó để lấy hộ thùng hàng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Tống Văn Q và Nguyễn Văn D.

Vật chứng thu giữ gồm: 36 hộp hình khối chữ nhật; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S có số IMEI 5 số cuối là 52924; 01 chiếc xe máy Wive anpha màu trắng - đen BKS 98H1-149.65 và 1.430.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P tiến hành cân xác định khối lượng 36 hộp hình vuông thu giữ của Tống Văn Q và Nguyễn Văn D, kết quả xác định tổng khối lượng là 50,5 kg (*Năm mươi phẩy năm kilôgam*) và lấy mẫu trưng cầu giám định ký hiệu (A3).

Tại kết luận giám định số 1200/KL- PC09 ngày 13/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: 01 vật hình hộp chữ nhật có kích thước 14,5cm x 14,5cm x 15 cm, bên ngoài có dán giấy màu vàng và đỏ in nhiều chữ nước ngoài, thân hộp có gắn dây màu xanh dài 02 cm. Trong hộp có 36 vật hình trụ dài 15cm, đường kính 2,3cm được niêm phong trong hộp cat tông ký hiệu A3 là pháo nổ, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

Tại cơ quan điều tra, Tống Văn Q và Nguyễn Văn D khai nhận như sau:

Tống Văn Q có quen biết Đỗ Quang Đ, sinh năm 1983; Trú quán: thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang và Đ có hỏi Q biết chỗ nào bán pháo thì bảo Đ để Đ mua. Thông qua Trần Thị N, sinh năm 1999; Trú quán: thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang (là người quen của Q) nên biết Đặng Đức M là chồng của N có nhiều mối quan hệ xã hội nên Q đã xin số điện thoại của M để liên hệ với M nhờ mua pháo đem về bán cho Đ.

Buổi chiều ngày 07/11/2018, Tống Văn Q và Nguyễn Văn D đi chơi cùng với nhau tại huyện H, tỉnh Bắc Giang, Q gọi điện thoại cho Đặng Đức M để liên hệ hỏi mua 36 hộp pháo giàn. Sau khi liên hệ mua được pháo của M, Q đồng thời đã liên lạc với Đ để hẹn bán pháo cho Đ. Do trước đó, Q và D đã bàn bạc với nhau cùng đi mua pháo về bán và cùng chia lợi nhuận nên Q rủ D đi cùng, D đồng ý. Sau đó, Q và D đem chiếc xe máy của Q đến cầm cố cho anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986; Trú quán: thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang lấy số tiền 15.000.000 đồng để đi mua pháo. Sau khi cầm cố được xe, Q thuê anh Dương Văn Q, sinh năm 1988; Trú quán: thôn 1, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang là lái xe taxi chở Q và D đến nhà M để mua pháo. Khi đến nơi Q một mình đi vào nhà M đưa cho M số tiền 12.000.000 đồng để mua 36 hộp pháo. Nhận được tiền, M nhờ một người lạ mặt đưa Q đi lấy pháo, nhưng

do anh Dương Văn Q không đồng ý chở pháo nên Q thuê anh Dương Văn Q đưa đến thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang và Q mượn chiếc xe máy BKS 98H1 – 149.65 của anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2001; Trú quán: thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang (là người quen của Q). Sau khi mượn được xe máy, Q quay lại đón D và nam thanh niên lúc trước để lấy pháo. Người này đã đưa Q, D đến một khu vực cánh đồng gần một nhà văn hóa thôn (Q, D không nhớ cụ thể). Tại đây, Q và D nhận được 02 thùng pháo, Q để 01 thùng lên giá đỡ hàng phía trước, còn 01 thùng để cho D ngồi sau ôm giữ. Sau đó, Q gọi điện thoại cho Đ thỏa thuận bán số pháo trên với giá 13.000.000 đồng và hẹn Đ đến khu vực Cầu C thuộc xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để nhận pháo. Khi Q và D đến khu vực xóm C, xã K, huyện P thì bị tổ công tác Công an huyện P kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như nêu trên.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKS-PB, ngày 29-3-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Tống Văn Q và Nguyễn Văn D về tội: “Buôn bán hàng cấm”, theo điểm g khoản 2 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Tống Văn Q và Nguyễn Văn D phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”

Áp dụng: Điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tống Văn Q từ **06** (Sáu) năm **06** (Sáu) tháng đến **07** (Bảy) năm tù.

Áp dụng: Điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 190; Điều 17, 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ **06** (Sáu) năm **06** (Sáu) tháng đến **07** (Bảy) năm tù.

Phạt bổ sung (phạt tiền) các bị cáo: Tống Văn Q và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 35 hộp hình chữ nhật có kích thước bằng nhau 14,5 x 14,5 x 15 cm hiện đang được bảo quản tại kho của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Tịch thu 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S có số IMEI 5 số cuối là 52924 của bị cáo Q là phương tiện phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước;
- Tạm giữ 1.430.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) của bị cáo Q để đảm bảo cho việc Thi hành án.

- Đối với chiếc chiếc xe máy Wave anpha màu trắng đen BKS 98H1-149.65, CQĐT xác định đó là tài sản của anh Nguyễn Mạnh H, không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho anh H quản lý, sử dụng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

- Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo Q đúng như cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Tại phiên tòa bị cáo D quanh co không thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại CQĐT, nhưng với lời khai của bị cáo tại CQĐT bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho đối chất giữa bị cáo D với bị cáo Q tại phiên tòa Q vẫn khẳng định D cùng với Q đi mua pháo nổ về bán cho người khác để kiếm lời. Vì lời khai phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản bắt quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/11/2018, tại khu vực xóm C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Tống Văn Q và Nguyễn Văn D đã thực hiện hành vi chở 36 hộp pháo nổ, tổng khối lượng là 50,5 kg (*Năm mươi phẩy năm kilôgam*) với mục đích mang đi bán cho đối tượng tên là Đ để kiếm lời. Khi các bị cáo chở pháo nổ đến khu vực xóm C, xã K,

huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì bị tổ công tác Công an huyện P phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên.

Qua kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Số vật chứng thu giữ của Q và D là pháo, có đặc tính của pháo nổ (Có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

Hành vi nêu trên của Tống Văn Q và Nguyễn Văn D có đủ yếu tố cấu thành tội: "Buôn bán hàng cấm". Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo về tội "Buôn bán hàng cấm", theo điểm g khoản 2 Điều 190 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Nội dung của Điều 190 của BLHS quy định:

1. *“Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.*

g. Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam”

4. *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.*

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến chính sách độc quyền quyền lý của Nhà nước về quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng: Bị cáo Q là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; bị cáo D ngày 18/10/2012, bị Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 2, Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện, lười lao động, do muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên các bị cáo đã rủ nhau đi buôn bán hàng cấm là pháo nổ để kiếm lời. Bị

cáo Q phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo D quanh co chối tội không được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 BLHS.

[4]. Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê bị cáo D thực hiện tội phạm, bị cáo D là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương ứng với hành vi phạm tội đối với từng bị cáo đã gây ra.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm thu lời bất chính nên cần phải phạt bổ sung các bị cáo một tiền để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 35 hộp hình chữ nhật có kích thước bằng nhau 14,5 x 14,5 x 15 cm hiện đang được bảo quản tại kho của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên;

- Đối với 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S có số IMEI 5 số cuối là 52924 của bị cáo Q là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Đối với 1.430.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) của bị cáo Q cần tạm giữ để đảm bảo cho việc Thi hành án.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[8]. Về tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự. Ra quyết định tạm giam các bị cáo Q và D với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[9]. Trong vụ án này: Bị cáo Q khai đã mua pháo của Đặng Văn M đem về bán cho Đỗ Quang Đ, quá trình điều tra xác minh xác định hiện M và Đ không có mặt tại địa phương, ngoài lời khai của Q không có tài liệu nào để chứng minh, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự.

Ngoài ra, khi tổ công tác Công an huyện P bắt quả tang Q và D thì có Phạm Văn K là người xuất hiện tại đó. Quá trình điều tra, K khai nhận có một người tên B nhờ K

đi lấy hộ thùng hàng, bản thân K không biết đó là hàng gì. Mặt khác kết quả xác minh không xác định được đối tượng tên B theo lời khai của K, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 190; (điểm s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Quân); Điều 17; Điều 58; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326; 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tống Văn Q và Nguyễn Văn D (tên gọi khác là Đ) phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Tống Văn Q **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/11/2018.

Phạt bổ sung (phạt tiền) các bị cáo: Tống Văn Q và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách quỹ Nhà nước.

3. Ra quyết định tạm giam các bị cáo Tống Văn Q và Nguyễn Văn D với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 35(Ba mươi lăm) hộp hình chữ nhật có kích thước bằng nhau 14,5 x 14,5 x 15 cm hiện đang được bảo quản tại kho của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên.

- Tịch thu 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S có số IMEI 5 số cuối là 52924 của bị cáo Q để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Tạm giữ 1.430.000 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) của bị cáo Q để đảm bảo cho việc Thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2019 và ủy nhiệm chi ngày 09/4/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Tổng Văn Q và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo (Q và D); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh H) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo-NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung